TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST
Ngày: 23- 4- 2020
V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lẹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Lịnh.

2. Ông Bùi Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Khánh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Kương – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 642/2019/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2019, về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 3 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2020/QĐST-DS ngày 23/3/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TM; địa chỉ: Số 25Bis, phường B, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp là anh Huỳnh Tấn P, chức vụ: Chuyên viên quản lý khách hàng là người đại diện theo ủy quyền Văn bản ủy quyền số 371/2019/UQ-HDB ngày 09/9/2019; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

1. Anh Âu Lạc T, sinh năm 1974; Vắng mặt tại phiên tòa

2. Chị Trần Thị Bé H, sinh năm 1979; Vắng mặt tại phiên tòa

Cùng địa chỉ: Số 377, ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Âu Thị Kim L, sinh năm 1970; Vắng mặt tại phiên tòa

2. Anh Phạm Châu K, sinh năm 2001; Vắng mặt tại phiên tòa

Cùng địa chỉ: Số 377, ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Huỳnh Tấn P là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/9/2015, anh Âu Lạc T, chị Trần Thị Bé H và Ngân hàng TM (gọi tắc là Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng để cho anh T và chị H vay vốn với số tiền 250.000.000 đồng, mục đích vay bổ sung vốn trồng quýt, thời hạn vay 36 tháng, số tiền này anh T, chị H nhận trực tiếp từ Ngân hàng; chị H, anh T, chị Âu Thị Cẩm L có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 8, tờ bản đồ 40 do hộ Âu Lạc T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện Lấp Vò cấp ngày 18/5/2011 theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0217/15/HĐBĐ/215 ngày 22/9/2015.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng thì anh T, chị H đã vi phạm hợp đồng (từ ngày 28/6/2018 thì anh T không đóng lãi cho Ngân hàng), anh T đã trả cho Ngân hàng số tiền 170.000.000 đồng nợ gốc.

Nay Ngân hàng yêu cầu anh T, chị H thanh toán số tiền tạm tính đến ngày 23/4/2020 vốn là 80.000.000 đồng, lãi trong hạn là 7.691.795 đồng, lãi quá hạn là 49.266.292 đồng. Đồng thời Ngân hàng yêu cầu anh T, chị H tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng từ ngày 24/4/2020 trên số tiền nợ gốc cho đến khi anh T, chị H thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0217/15/HĐBĐ/215 ngày 22/9/2015 giữa Ngân hàng với anh Âu Lạc T, chị Trần Thị Bé H, chị Âu Thị Cẩm L là hợp pháp.

Nếu ông Âu Lạc T, bà Trần Thị Bé H không thực hiện nghĩa vụ thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thanh toán nợ.

Bị đơn anh Âu Lạc T trình bày: Anh T thừa nhận có ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng TM để vay số tiền là 250.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn trồng quýt, anh T, chị H có nhận 250.000.000 đồng của Ngân hàng giải ngân, khi vay hộ anh T có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất thửa 8, tờ bản đồ 40 do hộ Âu Lạc T đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, được UBND huyện Lấp Vò cấp ngày 18/5/2011, trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì anh T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng, anh T có trả cho Ngân hàng số tiền vốn gốc là 170.000.000 đồng, nay anh T thừa nhận còn nợ lại Ngân hàng vốn gốc là 80.000.000 đồng và lãi trong hạn là 7.691.795 đồng, lãi quá hạn là 46.700.000 đồng, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh T xin Ngân hàng đến cuối tháng 4/2020 sẽ thanh toán toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng.

Bị đơn Trần Thị Bé H, người có quyền lợi, ngĩa vụ liên quan Âu Thị Kim L, Phạm Châu K vắng mặt không trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án đến khi ra quyết định xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định pháp luật, đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt

nên đã không thực hiện đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TM khởi kiện yêu cầu anh Âu Lạc T, chị Trần Thị Bé H thanh toán số tiền vay còn nợ nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện được quy định tại Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Âu Lạc T, chị Trần Thị Bé H có địa chỉ cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định tại Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trên tài sản thế chấp có 01 căn nhà cấp 4, khung gỗ, vách tol, nền xi măng và 01 quán nước mái tol, nền xi măng, vách tường, khung sắt thép, hiện do hộ anh T sử dụng. Sau khi thẩm định, Tòa án đã đưa các thành viên trong hộ anh T vào tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tòa án đã tống đạt đầy đủ các thông báo, giấy triệu tập nhưng chị H, chị L, anh Kiệt không trình bày ý kiến; tại phiên tòa anh T, chị H và các thành viên trong hộ cũng không đến Tòa án để giải quyết nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện thì nguyên đơn đã cung cấp Hợp đồng tín dụng số 0222/15/HĐTDHM-CN/215 ký ngày 22/9/2015 giữa Ngân hàng với anh T, chị H. Trong hợp đồng quy định cụ thể số tiền vay, lãi suất, thời hạn trả, trách nhiệm do vi phạm hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận có ký hợp đồng để vay tiền của Ngân hàng, có nhận tiền, còn nợ lại vốn gốc và lãi đúng như yêu cầu của Ngân hàng nhưng do hoàn cảnh khó khăn không thực hiện đúng nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng tín dụng.

Đối với tài sản thế chấp: Nguyên đơn cung cấp Hợp đồng thế chấp số 0217/15/HĐBĐ/215 ngày 22/9/2015 được Phòng công chứng Phan Phú Đông công chứng.

Trong Hợp đồng thế chấp có quy định: Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 8, tờ bản đồ 40 được UBND huyện Lấp Vò cấp cho hộ Âu Lạc T vào ngày 18/5/2011 và các tài sản khác gắn liền với tài sản thế chấp, vật phụ có trên tài sản thế chấp. Hợp đồng thế chấp do các thành viên trong hộ anh T gồm anh T, chị H, chị L ký thế chấp và được Phòng công chứng Phan Phú Đông công chứng hợp pháp.

Như vậy, hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với anh T, chị H, chị L là

hợp pháp.

Đối với chị H, chị L, anh Kiệt mặc dù Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không lý do, không trình bày ý kiến, không cung cấp tài liệu chứng cứ phản bác yêu cầu của nguyên đơn nên mọi hậu quả pháp lý phải tự ghánh chịu.

Do đó, đủ cơ sở xác định anh T, chị H có ký hợp đồng tín dụng với ngân hàng và các thành viên trong hộ anh T có thế chấp quyền sử dụng đất thuộc thửa số 8, tờ bản đồ 40 cho Ngân hàng. Vì vậy, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ngân hàng tự nguyện chịu 100.000 đồng, đã nộp và chi xong.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc anh T, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 299, 301, 317, 318, 319, 320, 321, 322 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Âu Lạc T, chị Trần Thị Bé H trả cho Ngân hàng TM vốn gốc là 80.000.000 đồng và lãi trong hạn là 7.691.795 đồng, lãi quá hạn là 49.266.292 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 136.958.087 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm năm mươi tám nghìn, bảy trăm chín mươi lăm đồng). Đồng thời, kể từ ngày 24/4/2020 anh T, chị H phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 0222/15/HĐTDHM-CN/215 ký ngày 22/9/2015 trên số tiền nợ gốc cho đến khi anh T, chị H thanh toán xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Công nhận Hợp đồng thế chấp số 0217/15/HĐBĐ/215 ngày 22/9/2015 giữa Ngân hàng với anh T, chị H, chị L có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường hợp anh T, chị H không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản thế chấp trong Hợp đồng thế chấp số 0217/15/HĐBĐ/215 ngày 22/9/2015 để thi hành án theo quy định của pháp luật, anh Âu Lạc T, chị Trần Thị Bé H, chị Âu Thị Cẩm L, anh Phạm Châu K có nghĩa vụ giao tài sản thế

chấp được quy định trong Hợp đồng thế chấp số 0217/15/HĐBĐ/215 ngày 22/9/2015 để thi hành án. Sau khi xử lý tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì anh T, chị H vẫn phải tiếp tục trả nợ cho đến khi trả xong toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Âu Lạc T và chị Trần Thị Bé H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 6.848.000 đồng (Sáu triệu, tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Ngân hàng TM được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.015.000 đồng (Năm triệu không trăm mười lăm nghìn đồng) theo biên lai số BH/2018/0009019 ngày 09/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lấp Vò.

3. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a , 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Nguyễn Văn Lẹ